

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 216/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2025

Về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Định

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Anh Tuấn

- Ông Trần Văn Thắng

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Phương Thủy - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7
- Ninh Bình

Vào ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 27/6/1975; căn cước công dân số: 036075005380; nơi đăng ký thường trú: Số 4/122 đường 19/5, phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu dân phố Hồng P 1, phường Thiên T, tỉnh Ninh Bình (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Trịnh Thị T, sinh ngày 20/12/1982; căn cước công dân số: 030182009704; nơi đăng ký thường trú: Thôn Tam T, xã Ninh G, thành phố HP; nơi cư trú: Thôn Tân Phú, xã Quảng T, tỉnh Lâm Đồng (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 06/10/2025, bản tự khai ngày 20/10/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trịnh Thị T có thời gian tìm hiểu khoảng hai năm. Sau đó, hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002, có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ (nay là phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 09/12/2002.

Sau khi kết hôn, anh và chị Trịnh Thi T chung sống tại số nhà 4/122 đường 19/5, phường Trần Tế X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ (nay là phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình). Cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống hàng ngày, đã nhiều lần xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Vợ chồng anh đã được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh và chị T sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, chị T hiện đang sinh sống tại: Thôn Tân P, xã Quảng T, tỉnh Lâm Đồng còn anh và hai con sinh sống tại phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không có khả năng khắc phục nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Trịnh Thi T được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Trịnh Thi T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bá L, sinh ngày 24/7/2005 (giới tính: Nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2003 (giới tính: Nữ). Hiện tại, cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập và có khả năng lao động nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 23/10/2025 bị đơn là chị Trịnh Thi T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trần Tế X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ (nay là phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 09/12/2002.

Sau khi kết hôn, chị và anh Nguyễn Hoàng S chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị và Anh S đã nói chuyện với nhau nhiều lần để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay Anh S đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bá L, sinh ngày 24/7/2005 (giới tính: Nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2003 (giới tính: Nữ). Hiện tại, cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập và có khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 23/10/2025 chị Trịnh Thi T có đơn xin được xét xử vắng mặt, trong đơn chị trình bày: Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án

kèm theo đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp. Do chị ở xa, bận công việc nên chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ngày 05/11/2025 anh Nguyễn Hoàng S có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh và chị T và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết.

Bị đơn là chị Trần Thị Tơ cư trú tại Thôn Tân P, xã Quảng T, tỉnh Lâm Đồng. Chị Trần Thị Tơ và anh Nguyễn Hoàng S có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình là nơi cư trú của anh S để giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình có thẩm quyền giải quyết vụ án.

1.2. Về sự có mặt của các đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Hoàng S và bị đơn là chị Trịnh Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh S và chị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T có thời gian tìm hiểu trong khoảng hai năm. Sau đó, hai bên tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường Trần Tế X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ (nay là phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình) Như vậy, hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T chung sống tại số nhà 4/122 đường 19/5, phường Trần Tế X, thành phố Nam Đ, tỉnh Nam Đ (nay là phường Nam Đ, tỉnh Ninh Bình). Cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận cho đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Cả anh S và chị T đều đã được hai bên gia đình, bạn bè hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh S và chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét hôn nhân giữa anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh S, xử cho anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị Tơ ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung:

Anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Bá L, sinh ngày 24/7/2005 (giới tính: Nam) và Nguyễn Quỳnh A, sinh ngày 28/5/2003 (giới tính: Nữ). Hiện cả hai con chung đã trưởng thành, tự lập và có khả năng lao động, anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

Anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV thì án phí trong vụ án sẽ được quyết định như sau:

Anh Nguyễn Hoàng S là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thị T.

2. Về án phí:

Anh Nguyễn Hoàng S phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Hoàng S đã nộp tại biên lai số 0001637 ngày 14-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo:

Anh Nguyễn Hoàng S và chị Trịnh Thi T có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND tỉnh Ninh Bình;
 - VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
 - Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
 - UBND P. Nam Đ, tỉnh Ninh Bình;
- (ĐKKH số 87 ngày 09/12/2002)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thu Định